



Original Article

Some New Heritage Discoveries in The Central Highlands, Vietnam

La The Phuc^{1,*}, Nguyen Khac Su², Luong Thi Tuat¹, Vu Tien Duc³,
Bui Van Thom⁴, Nguyen Trung Minh¹

¹*Vietnam National Museum of Nature, Vietnam Academy of Science and Technology,
18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Vietnam Archaeological Association, 61 Phan Chu Trinh, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam*

³*Central Highlands Academy of Social Sciences, Vietnam Academy of Social Sciences,
1A Nguyen Van Linh, Dak Lak, Vietnam*

⁴*Institute of Geology, Vietnam Academy of Science and Technology,
18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 11 February 2020

Revised 04 March 2020; Accepted 11 March 2020

Abstract: A series of new heritage discoveries were found during several field-trips from November 2018 to May 2019 in whole area of The Central Highlands with supporting from the project, coded TN17/T06. The most remarkable discoveries are two archaeological sites: The first one is located on Ho Tre crater in Krong Ana district, Dak Lak province and the second one – along the Ba river ancient valley, in Phu Thien district, Gia Lai province. On Ho Tre crater, we collected many types of archaeological artifacts, including stone hand-axes in oval and short shapes, stone cores, flakes, grind-stones, making-fire stones (?), and several broken fragments pieces of pottery, which featured for the shape and technique types in the Neolithic Age. In archaeological sites in Phu Thien district, a series of stone tools, including uni-facial and bi-facial tools, rough-cutting tools such as side-chopper, end-chopper scrapers, spearhead tools, flake tools, etc., characterized as the shape and technique types in duration the Paleolithic Age were found. These findings play an important role in science to clarify development process of human history since pre-history up to now in Vietnam and in the region as well. Moreover, it is more significant to possibly establish a conservation strategy and to locally develop tourism.

Keywords: Archaeological site, stone tool, Paleolithic, Neolithic, The Central Highlands.

* Corresponding author.

E-mail address: laphuc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4565>



Một số phát hiện mới về di sản ở Tây Nguyên, Việt Nam

La Thế Phúc^{1,*}, Nguyễn Khắc Sửu², Lương Thị Tuất¹, Vũ Tiến Đức³,
Bùi Văn Thơm⁴, Nguyễn Trung Minh¹

¹*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Hội Khảo cổ Việt Nam, 61 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam*

³*Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam,
số 1A Nguyễn Văn Linh, Buon Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam*

⁴*Viện Địa chất, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 11 tháng 02 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 3 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 3 năm 2020

Tóm tắt: Trong các đợt khảo sát thực địa từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019, Đề tài TN17/T06 đã có nhiều phát hiện mới về di sản trên địa bàn 5 tỉnh Tây Nguyên. Nổi bật hơn cả là di tích khảo cổ tiền sử khu vực núi lửa Hồ Tre, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và các di tích khảo cổ tiền sử dọc thung lũng cổ Sông Ba, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Tại di tích Hồ Tre, các hiện vật thu được bao gồm: rìu bầu đục, rìu ngắn, hạch đá, mảnh tước, bàn mài, hòn lấy lửa (?),... và các mảnh gốm mang đặc trưng về kỹ thuật và loại hình của thời đại Đá mới. Ở Phú Thiện, các hiện vật thu được bao gồm: công cụ ghè một hoặc hai mặt, công cụ chặt thô có rìa lưỡi ngang, công cụ nạo rìa lưỡi dọc, công cụ mũi nhọn, công cụ mảnh tước,... đặc trưng cho kỹ thuật và loại hình công cụ thời đại Đá cũ. Những phát hiện này rất có ý nghĩa về khoa học, góp phần làm sáng tỏ lịch sử phát triển của con người từ thời tiền sử tới nay ở Việt Nam cũng như trong khu vực. Về mặt thực tiễn, chúng là cơ sở để xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ, phát triển du lịch địa phương.

Từ khóa: Di tích khảo cổ, công cụ, Đá cũ, Đá mới, Tây Nguyên.

1. Mở đầu

Trong quá trình khảo sát tìm kiếm hang động núi lửa và di sản địa chất (DSDC) liên quan đến hoạt động phun trào basalt Tây Nguyên của đề tài "Nghiên cứu giá trị di sản hang động, đề xuất

xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên; lấy thí dụ hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông" (2017-2020) (mã số TN17/T06, thuộc chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2020; chủ nhiệm đề tài: TS. La Thế Phúc), các nhà địa chất đã có nhiều phát hiện mới về DSDC như:

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: laphuc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4565>

cấu trúc vòng và địa hình nghịch đảo ở Nam Dong (huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông) và Bon Choih (huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông), miệng núi lửa Hồ Tre (huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk), basalt cầu gỏi ở huyện Đắk Glei (tỉnh Kon Tum), hóa thạch khuôn cây trong đá basalt ở hang động núi lửa (huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông) và ở nhiều thác nước rải rác trên 5 tỉnh Tây Nguyên. Đáng chú ý, trên nền DSĐC núi lửa, hàng loạt di tích khảo cổ thời tiền sử được phát hiện, tạo nên di sản kép/di sản hỗn hợp (gồm hai loại hình di sản thiên nhiên - di sản văn hóa), như: di tích tiền sử trong hang động núi lửa ở huyện Krông Nô (Đắk Nông); các di tích Đá mới trên miệng núi lửa Hồ Tre (huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk), di tích Đá mới ở cụm thác Dray Nur (Đắk Lắk) - Dray Sáp (Đắk Nông), di tích Đá mới ở thác Hang Dơi và Thác 50 ở huyện K' Bang (Gia Lai); các di tích Đá cũ ở Phú Thiện, A Yun Pa, Krông Pa, Ia Pa thuộc thung lũng sông cổ Sông Ba (Gia Lai),... Hàng chục phát hiện mới về di sản ở Tây Nguyên đã được viết thông báo, thuyết trình (và đăng tải trong kỷ yếu) tại các Hội nghị Thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học do Viện Khảo cổ học tổ chức (tháng 9/2017 tại Thanh Hóa, tháng 9/2018 tại Huế, tháng 9/2019 tại Hà Nội); Hội nghị CAREES 2019 do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam tổ chức (ngày 29-30/11/2019 tại thành phố Hồ Chí Minh); Hội nghị liên ngành do Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016-2020 tổ chức (ngày 5-6/12/2019 tại thành phố Pleiku). Nhiều bộ di cốt người tiền sử đã được phát lộ; hàng ngàn hiện vật là công cụ đá và mảnh gốm các loại thời tiền sử, hàng chục quả bom núi lửa các loại phân bố rộng rãi khắp Tây Nguyên đã được sưu tầm với tổng trọng lượng 500 - 600kg mẫu vật. Bài viết dưới đây, tác giả giới thiệu hai phát hiện mới có giá trị nổi bật về khảo cổ tiền sử ở Tây Nguyên là: Di tích Đá mới Hồ Tre và Di tích Đá cũ Phú Thiện.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp viễn thám

Mục đích của phương pháp này là góp phần

định hướng khảo sát điều tra, xác lập các di sản về địa mạo, kiến tạo vùng nghiên cứu. Đây là phương pháp rất hiệu quả cho việc khoanh định các biểu hiện địa chất lý thú thuộc địa hình địa mạo, miệng núi lửa, hang động núi lửa, hồ nước thác nước. Tác giả đã kế thừa và phân tích, giải đoán các ảnh viễn thám (ảnh vệ tinh landsat, spots có độ phân dải từ 2,5m đến 30m, ảnh máy bay, google map). Kết hợp với các bản đồ địa hình (tỷ lệ 1/50 000 - 1/25 000 và lớn hơn), các biểu hiện địa chất lý thú thuộc kiểu địa mạo đã được đánh dấu trên bản đồ làm cơ sở định hướng cho các lộ trình thực địa tìm kiếm, xác lập di sản.

2.2. Phương pháp điều tra xã hội học/phỏng vấn người dân

Mục đích của phương pháp này là thu thập các thông tin liên quan đến di sản từ các văn liệu và cộng đồng dân cư. Để thu thập các thông tin liên quan đến di sản vùng nghiên cứu từ cộng đồng, đặc biệt là của người dân sở tại; đề tài đã thu thập phiếu điều tra, tác giả đã trực tiếp thu thập thông tin bằng hình thức phỏng vấn người dân các vấn đề quan tâm, sau đó thuê người được phỏng vấn trực tiếp dẫn đường đến các khu vực cần điều tra, tìm kiếm. Kết hợp với định hướng ban đầu, phương pháp này rất hiệu quả trong quá trình khảo sát thực địa điều tra, tìm kiếm xác lập di sản ở Tây Nguyên.

2.3. Phương pháp khảo sát thực địa, thu thập tài liệu nguyên thủy

Đây là phương pháp truyền thống trong nghiên cứu, điều tra của ngành địa chất và ngành khảo cổ học. Mục đích của phương pháp này là thu thập tài liệu thực tế/tài liệu nguyên thủy và hệ thống mẫu vật phục vụ cho công tác điều tra nghiên cứu, tìm kiếm đánh giá, xác lập di sản. Khảo sát thực địa đã được tiến hành theo 2 mức độ: sơ bộ và chi tiết. Khảo sát sơ bộ được tiến hành trước tiên theo diện rộng để khoanh định các vùng cần tập trung khảo sát điều tra chi tiết. Khảo sát điều tra chi tiết được tiến hành trên cơ sở định hướng sau khi có kết quả khảo sát sơ bộ; nhằm thu thập tài liệu nguyên thủy một cách chi

tiết cho các lĩnh vực chuyên môn (địa chất, văn hóa, sinh học); đánh giá hiện trạng di sản, các yếu tố xâm hại di sản và hiện trạng bảo tồn di sản; quay phim chụp ảnh, xác lập các giá trị DSĐC,... làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng hồ sơ di sản, đánh giá, phân loại, xếp hạng di sản và đề xuất các giải pháp bảo tồn, quản lý và khai thác phát triển bền vững.

2.4. Phương pháp thống kê, phân loại hiện vật và di sản

Mục đích của nhóm các phương pháp này là hiệu chỉnh, thống kê phân loại và hệ thống hóa các hiện vật, các di sản vùng nghiên cứu. Nội dung phân loại di sản được thể hiện theo 2 góc độ: phân loại học và phân loại xếp hạng. Đối với phân loại học: trên cơ sở các tài liệu thu thập, tổng hợp, khảo sát điều tra thực địa; hiện vật, di sản, trong vùng nghiên cứu đã được xác lập, thống kê phân loại theo các quy định chuyên ngành của từng thể loại di sản. Với mỗi loại di sản của mỗi lĩnh vực (địa chất, văn hóa, sinh vật) sẽ có lý thuyết phân loại khác nhau. Các mẫu vật, đặc biệt là hiện vật khảo cổ đều được các chuyên gia khảo cổ có trình độ chuyên môn cao và sâu hiệu chỉnh, mô tả, thống kê phân loại theo quy định chuyên ngành. Đối với phân loại xếp hạng di sản sẽ được tiến hành theo các tiêu chí riêng biệt của từng loại hình di sản, không thuộc phạm vi của bài viết này.

3. Kết quả phát hiện mới

3.1. Di tích Hố Tre (tỉnh Đắk Lắk)

3.1.1. Khảo sát phát hiện di tích Hố Tre

Các thành tạo basalt của hệ tầng Xuân Lộc là tiền đề tìm kiếm cho nhiều kiểu DSĐC rất có giá trị (hang động núi lửa, miệng núi lửa, hóa thạch khuôn cây, đá basalt cột, basalt cầu gối, bom núi lửa, opal-chalcedon,...) ở Tây Nguyên, đặc biệt là khu vực Krông Nô (Đắk Nông) - Krông Ana (Đắk Lắk). Trên cơ sở phân tích các tài liệu về

địa chất, ảnh vệ tinh/google map, bản đồ địa hình 1/25.000,... tại khu vực này đã thấy biểu hiện rõ nét địa hình của một miệng núi lửa. Trong đợt khảo sát thực địa cuối tháng 11/2019 (thuộc đề tài TN17/T06), La Thế Phúc và Lương Thị Tuất cùng các cộng sự đã đến khảo sát, phát hiện ra di tích tiền sử ở Hố Tre. Đây là một núi lửa có miệng trũng lòng chảo (Hình 1) chứa nước, tạo thành ao hồ, trước đây mọc nhiều tre ở xung quanh ao nên được người dân gọi là Hố Tre. Núi lửa Hố Tre có tọa độ trung tâm là $12^{\circ} 32' 21,7''$ vĩ độ bắc, $108^{\circ} 00' 50,2''$ kinh độ đông; cao độ 578m so với mực nước biển. Địa hình miệng núi lửa Hố Tre đã bị bóc mòn mạnh bởi thiên nhiên và con người (san ủi hạ độ cao để làm rẫy) cho nên khá thấp (độ cao tương đối chỉ còn 5 - 10m so với xung quanh); sườn ngoài rất thoải, rất khó nhận diện trực tiếp được địa hình núi lửa trên thực địa. Trên miệng núi lửa khá bằng phẳng, rộng vài ha (chủ yếu thuộc rẫy nhà ông Huỳnh Văn Thọ thuộc thôn Hòa Tây (xã Ea Bông, huyện Krông Ana, Đắk Lắk), ở giữa là một trũng hòng núi lửa hình lòng chảo/phễu nông có đường kính khoảng 200m, có đáy sâu 3 - 5m so với gờ miệng núi lửa hiện tại, được chia làm 2 bởi gò đất tự nhiên và con đường đắp đất dân sinh (Hình 1). Trũng này thường xuyên chứa nước: mùa khô nước hạ thấp chỉ còn lại là 2 ao nhỏ đường kính khoảng 50 - 70m (Hình 1), mùa mưa nước dâng ngập trên phạm vi rộng ra gần mép miệng núi lửa. Trên bề mặt đất phía trong của miệng núi lửa, đặc biệt là trên gò đất tự nhiên ở giữa miệng núi lửa, vách bờ ao và đường đất chia cắt ao đã lộ ra rất nhiều đồ đá và đồ gốm Tiền sử với mật độ dày đặc (Hình 2, 3), bao gồm: rìu bầu dục (Hình 4), rìu ngắn (Hình 5), rìu hình chữ nhật (Hình 6), bàn mài mài (Hình 7), hòn lẩy lửa (?) (Hình 8); mảnh tước, mảnh cuội bở; mảnh gốm (Hình 9, 10). Đồ đá có chất liệu chủ yếu là cuội đá basalt màu xám - xám đen, rắn chắc; thứ yếu là thạch anh, quartzit, cát kết dạng quartzit, cát bột kết,... được chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo hai mặt. Trong đó rìu hình bầu dục, rìu ngắn là những loại hình di vật đặc trưng của di tích.



Nguồn: La Thế Phúc (chụp năm 2018) (Mẫu vật khảo cổ được PGS.TS. Nguyễn Khắc Sử giám định, hiệu chỉnh năm 2019).

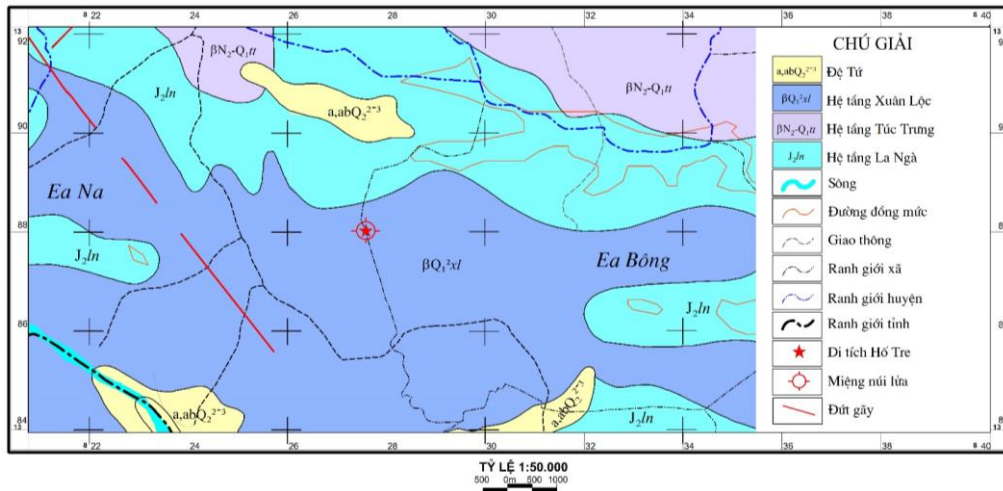
3.1.2. Sơ lược đặc điểm địa chất của di tích:

Theo bản đồ tỷ lệ 1/200.000, trong bán kính vài chục km tính từ di tích Hồ Tre có sự hiện diện diện của các đá trầm tích lục nguyên hệ tầng La Ngà, đá basalt hệ tầng Túc Trung và hệ tầng Xuân Lộc, các thành tạo trầm tích Đệ tứ (Hình 11) [1].

- Hệ tầng La Ngà (J_2ln , 174,1 - 163,5 triệu năm cách ngày nay (BP)): phân bố thành dải rộng lớn (Hình 11). Mặt cắt đầy đủ gồm 3 tập:

Tập 1: chủ yếu là bột kết màu xám, dạng dải,

phong hóa màu vàng, dễ vỡ vụn thành các mảnh nhỏ. Chiều dày khoảng 250 - 300m. Tập 2: Bột kết màu đen, phân lớp mỏng, mặt lớp có nhiều tinh thể pyrit xen với đá phiến sét và các lớp mỏng cát kết có những vẩy mica trắng. Đá dạng sọc dải. Tập 3: Cát kết hạt vừa - nhỏ màu xám, xám nhạt, xám vàng xen cát bột kết màu xám, xám vàng, bột kết và ít lớp mỏng sét kết. Chiều dày chung của hệ tầng khoảng 700 - 800m [1]. Các bàn mài (Hình 7) và hòn lấy lửa (Hình 8) có chất liệu là đá cát kết hạt nhỏ - thô, màu xám - xám vàng có thể có nguồn gốc từ hệ tầng này.



Hình 11. Sơ đồ địa chất khu vực di tích Hố Tre [1].

- *Hệ tầng Túc Trung* (βN_2-Q_{itt} , 5,333-0,781 triệu năm BP): phân bố thành diện rộng ở phần phía bắc của khu vực (Hình 12). Mặt cắt của hệ tầng gồm 1 - 2 tập basalt xen các lớp mỏng basalt phong hóa thành đất đỏ, dày 20 - 70m. Thành phần thạch học gồm: basalt olivin - augit, basalt olivin - augit - plagioclas. Đá basalt có màu xám đến xám xanh, xám đen; cấu tạo khối đặc xít hoặc lỗ hổng nhỏ [1].

- *Hệ tầng Xuân Lộc* (βQ_1^{2xl} , 0,781 - 0,126 triệu năm BP): phân bố thành diện lớn, chiếm diện tích chủ yếu khu vực (Hình 12). Hệ tầng có từ 1 đến 2 tập basalt olivin, basalt olivin - augit, basalt olivin - augit - plagioclas, dày 20 - 90m. Đá có dạng vi hạt hoặc ẩn tinh, màu xám, xám đen, cấu tạo khối đặc xít hoặc lỗ hổng [1].

Các công cụ đá, mảnh tước, hạnh đá thu thập tại di tích Hố Tre có chất liệu chủ yếu là đá basalt đặc xít, tương tự các hòn cuội đá basalt đặc xít trong khu vực di tích. Các hòn cuội basalt đặc xít này có đặc điểm rắn chắc, dễ đập vỡ theo mọi hướng, mảnh vỡ rất sắc cạnh, tựa lưỡi dao và dễ cắt gọt mọi thứ mềm hơn. Có thể người tiền sử đã thích ứng, lựa chọn sử dụng nguyên liệu (đá cuội basalt) tại chỗ để chế tác công cụ, phục vụ cuộc sống sinh tồn.

- *Trầm tích bờ rời Đệ tứ* (Q): phân bố thành 3 diện nhỏ (Hình 11), chủ yếu là các thành tạo trầm tích cuội, sạn sỏi, cát bột, nguồn gốc aluvi, có tuổi Holocene giữa - muộn (8000 năm đến

nay), dày 5 - 6m [1]. Trầm tích nguồn gốc đầm hồ phân bố tại miệng núi lửa của di tích; gồm sét bột màu xám giàu bùn mùn thực vật, nhưng có khối lượng nhỏ, không thể hiện được trên sơ đồ địa chất khu vực di tích.

3.1.3. Khảo sát địa tầng di tích Hố Tre

Tháng 3/2019, Đoàn chuyên gia liên ngành của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam đã đến khảo sát thăm định, định hướng phương án đào hố thăm dò thám sát và khai quật di tích Hố Tre. Rất nhiều di vật đã được sưu tầm và gửi lại gia đình chủ đất để phục vụ trưng bày bảo tồn tại chỗ.

Tháng 4/2019, La Thế Phúc và Vũ Tiến Đức cùng các cộng sự đã tiến hành dọn sạch và xê hó có diện tích $1m^2$ (tọa độ trung tâm là $12^{\circ} 32' 21,1''$ vĩ độ bắc, $108^{\circ} 00' 50,6''$ kinh độ đông), nằm trên vách của kênh dẫn nước tưới tiêu, sâu vào trong vách 0,3m và sâu theo chiều cao của vách >1,0m. Công việc đào bới này được tiến hành rất cẩn thận, nạo bới tìm hiện vật từ trên xuống theo từng lớp mỏng (5 - 10cm) theo đúng quy định của ngành khảo cổ. Cấu tạo địa tầng của vách đào được chia làm 3 tầng (Hình 12, 14) từ trên xuống dưới như sau:

- Tầng mặt: từ 0.0 - 0.35m (gồm 3 lớp khai đào: L1, L2, L3), là tầng thổ nhưỡng màu xám đen do lẫn nhiều vật chất hữu cơ, bờ rời, mềm, lẫn vụn nilon, rễ cây,... không chứa hiện vật khảo cổ. Lớp này bị xáo trộn do hoạt động canh tác hoa màu của chủ người dân.

- Tầng văn hóa: 0.35 - 0.8m (gồm 5 lớp khai đào: L4, L5, L6, L7, L8), là tầng laterit màu xám - vàng loang lổ lẫn kết vón màu đen, khá cứng. Càng xuống dưới, càng xuất hiện hiện tượng kết vón nhưng chưa hình thành sạn sỏi laterit. Trong tầng xuất hiện các di vật khảo cổ bằng đá và gốm.

- Tầng sét màu xám-xám sẫm ngậm nước, dẻo cứng, không còn di vật khảo cổ (ở độ sâu > 0,80m)
Tại độ sâu từ 0.6 - 0.8m, trên bề mặt sinh thổ

xuất lộ một cụm đá xếp rộng ~0.3m x dài ~0.5m, bao gồm: 01 hòn kê xếp cạnh 01 hòn đá basalt với nhiều lỗ lõm sâu, xung quanh là rìu hình bầu dục, rìu ngắn, công cụ mảnh tước, hạch đá, đá nguyên liệu và mảnh tước (Hình 12, 13, 15, 16, 17) với mật độ dày đặc so với mật độ di vật ở những chỗ khác. Cụm đá xếp này có khả năng là một nơi/điểm chế tác công cụ đá tại chỗ của cư dân Hố Tre.



Hình 12. Hố đào ở vách taluy cạnh ao ở di tích Hố Tre.



Hình 13. Cụm chế tác trong hố đào ở di tích Hố Tre.



Hình 14. Địa tầng di tích của hố đào ở di tích Hố Tre.



Hình 15. Rìu bầu dục.



Hình 16. Hòn kê.



Hình 17. Một số mảnh tước.

Nguồn: La Thế Phúc chụp năm tháng 4/2019

Bảng 1. Thống kê di vật sưu tập trên bề mặt di tích Hố Tre

Nhóm di vật/ chất liệu	Di vật	Loại hình	Số lượng	Tổng cộng
Đồ đá	Công cụ lao động	Rìu bầu dục	3	10
		Rìu ngắn	3	
		Rìu hình chữ nhật	1	
		Công cụ rìa xiên	1	
		Công cụ mảnh tước	2	
		Bàn mài	1	7
	Hòn kê	6		
Đồ gốm	Phác vật	Phác vật	8	8
	Đá nguyên liệu, phế liệu	Mảnh tước	33	55
Đá nguyên liệu		22		
Đồ gốm	Mảnh gốm		23	23
Tổng cộng			103	

3.1.4. Đặc điểm hiện vật của di tích Hồ tre

Số hiện vật được thu thập ngẫu nhiên đưa về Bảo tàng Thiên nhiên là 103 di vật, gồm 80 di vật đá và 23 mảnh gốm (Bảng 1); trong đó có 37 di vật đá và 01 mảnh gốm thu thập được trong hố đào (ở vách taluy kênh dẫn nước), còn lại là sưu tập trên bề mặt di tích.

Dưới đây là mô tả một số hiện vật tiêu biểu trong bộ sưu tập:

- Rìu hình bầu dục (Hình 4, 15) được làm từ cuội đá basalt, màu xám sẫm - xám nhạt, còn nguyên vẹn, chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo. Hai mặt rìu cong lồi, mỏng dần về phía rìa. Rìa cạnh công cụ có các vết ghè kích thước nhỏ, ghè hai mặt, hướng vát từ rìa cạnh lan rộng lên thân, các mặt ghè nối tiếp nhau tạo thành một đường rìa lưỡi mỏng và sắc, lượn cong theo phần lớn chu vi công cụ. Rìa lưỡi của rìu có vết mòn do quá trình sử dụng tạo ra. Tiết diện bổ dọc và mặt cắt ngang của rìu có hình thấu kính.

- Rìu ngắn có hình chữ “U” (Hình 5), được làm từ cuội đá basalt màu xám, còn nguyên vẹn, chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo. Đốc là một mặt phẳng tạo bởi kỹ thuật bổ cuội. Mặt lưng cong lồi, có khi còn một phần vỏ cuội. Mặt bụng phẳng, là mặt âm bản của một vết bổ cuội. Các vết ghè tạo rìa tác dụng được bắt đầu từ một đầu đốc, ghè hai mặt, hướng vát từ rìa cạnh lan rộng lên thân, kích thước vết ghè nhỏ, nối tiếp nhau kéo dài đến đầu rìa cạnh đối diện tạo thành một rìa cong, mỏng, sắc. Rìa tác dụng bị mòn vẹt do quá trình sử dụng. Mặt cắt ngang hình bầu dục, cắt dọc hình bán thấu kính/chữ U.

- Rìu hình chữ nhật (Hình 6) được làm từ đá cát kết dạng quazit, màu xám nhạt, còn nguyên vẹn, chế tác bằng kỹ thuật ghè đẽo, không có dấu vết kỹ thuật mài. Một mặt lớn công cụ dày một đầu, vát mỏng về phía đầu đối, ghè toàn bộ, không còn vỏ cuội. Mặt đối phẳng, là mặt âm bản của một vết ghè. Phần đốc công cụ ghè phẳng, loe cong về phía thân. Thân công cụ cong tròn, rìa có các vết ghè nối tiếp nhau, hướng tâm, ghè hai mặt. Các vết ghè chủ yếu tập trung tại mặt lớn dày, ghè lan thân, bóc toàn bộ lớp vỏ trên thân công cụ; các vết ghè tạo lưỡi tác dụng tại

mặt đối là các vết ghè kích thước dưới 1cm, nhằm tăng thêm độ sắc của rìa lưỡi. Rìa lưỡi lượn cong, mặt cắt hình chữ “V” hơi lệch. Mặt cắt ngang có hình gần bầu dục, tiết diện bổ dọc có hình nêm. Công cụ vừa bảo lưu một số nét tương đồng về hình dáng và dấu ấn kỹ thuật chế tác cho loại hình công cụ bầu dục, vừa nảy sinh yếu tố có vai của rìu, bôn, đặc trưng cho giai đoạn Hậu kỳ Đá mới.

- Bàn mài (Hình 7), chỉ phát hiện được 01 chiếc (còn khá nguyên vẹn), hình chữ nhật với kích thước 30 cm x 16cm x 6cm, được làm từ đá cát kết hạt nhỏ - trung, cả 2 mặt đều có vết mài. Một mặt có 2 vết mài dài, mỗi vết có chiều rộng 7 - 8 cm nằm so le nhau kéo dài hết di vật và cùng có chiều sâu 1 - 2cm. Một mặt chỉ có 1 vết mài lớn rộng 10 - 11cm kéo dài hết di vật, sâu 2 - 3cm. Các biên bên gờ của vết mài cũng được sử dụng để mài. Vết mài phản ánh kỹ thuật mài rất có chủ ý/y thức.

- Hòn lấy lửa (?) (Hình 8) là hòn cuội lớn trông giống như hòn kê, chất liệu là cát kết hạt thô rắn chắc, tay sờ thấy rất thô ráp, trên mặt có các lỗ tròn tria ~2 cm, khá gọn gàng và sâu hơn các vết kê của hòn kê. Có thể đây là vết tích các lỗ xoay của đầu que tre/gỗ vào đá để lấy lửa của cư dân tiền sử?.

- Hòn kê (Hình 16), chất liệu là cuội đá basalt đặc sít, có độ cứng lớn, phong hóa màu xám nhạt - phớt vàng, còn nguyên vẹn. Tiêu bản có kích thước lớn, hình cầu. Trên mặt khá phẳng có 03 vết lõm nhẹ, kích thước 2 - 3cm, kê sát nhau. Các vết lõm này hình thành từ quá trình kê để đập/ghè vật cứng khác. Mặt cắt ngang và tiết diện bổ dọc hình elip - gần tròn.

- Mảnh tước (Hình 17) có số lượng lớn, chủ yếu là đá basalt, tương đồng chất liệu chủ yếu của các loại hình công cụ ở di tích Hồ Tre. Kích thước mảnh tước đa dạng, thuộc các loại hình: mảnh tước ban đầu (3 - 5cm đôi khi lớn hơn), mảnh tước thứ (1 - 3cm) mỏng dẹt, và dăm tước (<1cm). Mảnh tước phân bố rải rác trên mặt di tích, trong hố ở độ sâu 0.3 - 0.7m và dày đặc tại cụm chế tác công cụ đá với loại hình phong phú.

- Mảnh gốm (Hình 9, 10), đa số mảnh gốm được vỡ từ thân và miệng của vật dụng có hình

tròn; miệng vênh tròn, không tìm thấy mảnh chân đế của vật dụng. Áo gốm có màu xám - xám đen, lộ rõ các hạt cát thô pha lẫn. Xương gốm cấu tạo từ đất sét chưa lọc kỹ, trộn với cát thô có kích thước hạt lớn. Miệng gốm Hồ Tre thuộc loại hình miệng loe cong, không trang trí hoa văn trên thành miệng. Độ dày thân gốm trung bình 0.3cm. Đồ gốm di tích Hồ Tre thô, cứng, độ nung không cao. Độ kết dính giữa các thành phần trong xương gốm, giữa áo gốm và xương gốm không cao.

3.1.5. Một số nhận xét về di tích Hồ Tre

- Sự hiện diện của các hiện vật: cụm chế tác công cụ, công cụ đá, mảnh tước, hòn mài, hòn lấy lửa, mảnh gốm ở di tích Hồ Tre đã minh chứng cho loại hình di tích cư trú và di tích công xưởng của cư dân tiền sử. Đây là di tích tiền sử đầu tiên tại Tây Nguyên được phát hiện trên miệng núi lửa, tạo nên di sản kép/hỗn hợp có tính độc đáo ở Tây Nguyên.

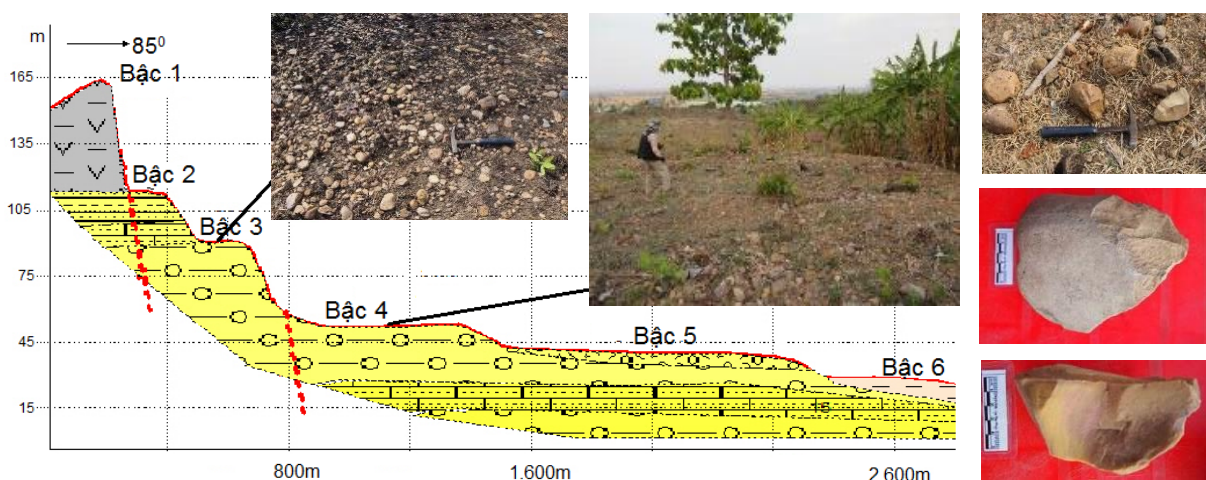
- Tầng văn hóa di tích Hồ Tre còn nguyên vẹn, trầm tích tại chỗ, chứa đựng hiện vật khảo cổ với mật độ khá dày. Căn cứ vào loại hình, kỹ thuật chế tác công cụ và so sánh với các di tích trong khu vực lân cận như: các di tích ở Thôn Tám, huyện Cư Jút; các di tích trong hang động núi lửa ở huyện Krông Nô (Đắk Nông)... [2], bước đầu xác định niên đại tương đối của di tích Hồ Tre thuộc giai đoạn Trung kỳ Đá mới.

- Di tích khảo cổ Hồ Tre hình thành trên nền di sản địa chất là miệng núi lửa, phản ánh mối quan hệ thích ứng giữa con người với môi trường địa chất (di sản địa chất) từ thời tiền sử; giống như di tích khảo cổ tiền sử trong hang động núi lửa ở Krông Nô (tỉnh Đắk Nông) đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước ghi nhận là di tích hiếm gặp trên thế giới. Đây là di sản rất có giá trị trong nghiên cứu tiền sử Đắk Lắk nói riêng, trong dòng chảy lịch sử thời tiền ở khu vực nam Tây Nguyên cũng như Đông Nam Á nói chung. Kết quả nghiên cứu trên đây mới chỉ mang tính phát hiện, sơ bộ ban đầu; cần sớm được khai quật theo hướng bảo tồn để nghiên cứu chi tiết và khai thác di tích cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

3.2. Kết quả phát hiện di tích Đá cũ ở huyện Phú Thiện (tỉnh Gia Lai)

3.2.1. Khảo sát phát hiện di tích

Trên cơ sở kế thừa các văn liệu, phân tích tài liệu bản đồ địa chất và khoáng sản tờ An Khê tỷ lệ 1/200.000, bản đồ địa hình 1/25.000, ảnh google map,... cho thấy: núi Chư A Thai là điểm di sản cổ sinh (gỗ hóa thạch - silic hóa) nổi tiếng của Tây Nguyên; bên cạnh đó là địa hình miệng núi lửa đặc trưng ở núi Đồn Một, Đồn Hai thuộc phần phía bắc của huyện Phú Thiện, nằm gọn trong thung lũng cổ Sông Ba.



Hình 18. Sơ đồ mặt cắt địa hình sườn đông núi Chư A Thai (Bùi Văn Thom thành lập); ảnh bề mặt địa hình bậc 3, bậc 4 và một số hiện vật tiền sử ở địa hình bậc 4 (La Thế Phúc chụp năm 2019).

Lần đầu tiên, ngày 17/4/2019, La Thế Phúc, Lương Thị Tuất, Bùi Văn Thơm cùng các cộng sự đã phát hiện một số công cụ đá, mảnh tước, hạch đá phân bố rải rác tại sườn và chân núi Chư A Thai (Hình 18), huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Từ ngày 27/4 đến ngày 03/5/2019, La Thế Phúc và Vũ Tiến Đức cùng các cộng sự đã mở rộng diện điều tra, tìm kiếm (trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam), phát hiện thêm 14 diềm di tích phân bố rải rác trong phạm vi khoảng 100 km² thuộc xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Toàn bộ hiện vật sưu tầm đã được định loại, hiệu chỉnh và thống kê phân loại theo quy định chuyên ngành; đã được thuyết trình tại các hội nghị hội thảo khoa học, chuyên ngành và được các chuyên gia khảo cổ hàng đầu của Việt Nam đánh giá cao.

3.2.2. Sơ lược đặc điểm địa chất di tích

Khu vực huyện Phú Thiện lộ ra các phân vị địa chất chủ yếu sau [3]:

- *Phức hệ Bền Giàng - Quế Sơn* ($\gamma\delta P_{2-3}bq$, 272 - 252 triệu năm BP): lộ ra ở rìa tiếp giáp phía đông - đông bắc huyện Phú Thiện (Hình 19), thuộc địa phận huyện Ia Pa. Thành phần đá chủ yếu gồm: diorit, diorit thạch anh, ít hơn có gabbrodiorit (Pha 1); granodiorit biotit hornblend, granit biotit-hornblend (Pha 2); granit biotit, granosyenit hạt vừa - thô, màu hồng kiến trúc dạng porphyr (Pha 3); và Phổ biến các loại đá mạch: granit aplit, granit porphyr, diorit porphyr, kersantit, spessartit [3]. Đây là một trong các nguồn cung cấp cuội sỏi đa khoáng cho trầm tích Đệ tứ ở thung lũng cổ Sông Ba và hạ lưu.

- *Phức hệ Vân Canh* ($\gamma T_{2a}vc$, 247 - 237 triệu năm BP) lộ ra thành diện lớn ở rìa đông và diện nhỏ ở phía tây Phú Thiện (Hình 19). Thành phần thạch học chủ yếu gồm: granodiorit, granit, granosyenit. Đá thường có màu khá sặc sỡ: hồng, xám phớt hồng, xám phớt vàng, vàng [3]. Đây là một trong các nguồn cung cấp cuội sỏi đa khoáng cho trầm tích Đệ tứ ở thung lũng cổ Sông Ba và hạ lưu.

- *Hệ tầng Sông Ba* (N_1^3sb , 11,630 - 5,333 triệu năm BP) chiếm phần lớn diện tích xã Chư

A Thai (Hình 19). Thành phần chủ yếu gồm: cuội tầng kết, cuội kết đa khoáng xen với các lớp mỏng cát - sạn kết, cát kết arkos xám sáng, phần trên xen kẽ dạng nhíp giữa các lớp cát - sạn kết chứa các thấu kính cuội kết mỏng với cát kết, bột kết và sét kết màu xám sáng. Các thành tạo trầm tích của hệ tầng tại núi Chư A Thai chứa nhiều gỗ hóa thạch đã bị silic hóa, rất đẹp và giá trị [3]. Đây là một trong các nguồn cung cấp cuội sỏi đa khoáng cho trầm tích Đệ tứ ở thung lũng cổ Sông Ba và hạ lưu.

- *Hệ tầng Túc Trung* (βN_2-Q_{1tt} ; 5,333 - 0,781 triệu năm BP): phân bố khá rộng rãi ở rìa phía bắc - tây bắc - tây xã Chư A Thai (Hình 19). Thành phần thạch học gồm: basalt olivin - augit, basalt olivin - augit - plagioclas. Đá basalt có màu xám đến xám xanh, xám đen; cấu tạo khối đặc xít hoặc lỗ hồng nhỏ [3]. Đây là một trong các nguồn cung cấp cuội sỏi đa khoáng cho trầm tích Đệ tứ ở thung lũng cổ Sông Ba và hạ lưu.

- *Trầm tích Pleistocene sớm phần muộn* (aQ_1 ; 1,800 - 0,773 triệu năm BP): lộ ra trên bề mặt khu vực Chư A Thai thành >10 diện lớn nhỏ khác nhau ở trung tâm thung lũng cổ, dưới dạng da báo (Hình 19), phủ trực tiếp lên các thành tạo của hệ tầng Sông Ba. Thành phần trầm tích là cuội sạn sỏi đa khoáng có độ mài tròn tốt - trung bình, gồm chủ yếu là: thạch anh, đá silic, quartzit, cát kết dạng quartzit, gỗ hóa thạch, granit, basalt (ít), đá sừng (ít). Trầm tích có nguồn gốc sông với độ gắn kết yếu [3]. Chiều dày trầm tích cuội sạn sỏi đa khoáng thường <1m (quan sát bằng mắt thường tại các taluy). Trong lớp cuội sạn này đã phát hiện được nhiều công cụ đá, mảnh tước, hạch đá... của người Tiên sử, có đặc điểm tương đồng cụm di tích Đá cũ An Khê [4].

- Các thành tạo trầm tích Đệ tứ (Q) trẻ hơn (<0,781 triệu năm), có nguồn gốc sông (a) như: trầm tích Pleistocene giữa - muộn (aQ_1^{2-3}), Pleistocene muộn (aQ_1^3), Holocene sớm - giữa (aQ_2^{1-2}) và Holocene muộn (aQ_2^3) không có ở địa phận xã Chư A Thai; chỉ có ở phía nam, đông nam Chư A Thai (Hình 19), thuộc huyện Phú Thiện và huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai [3].

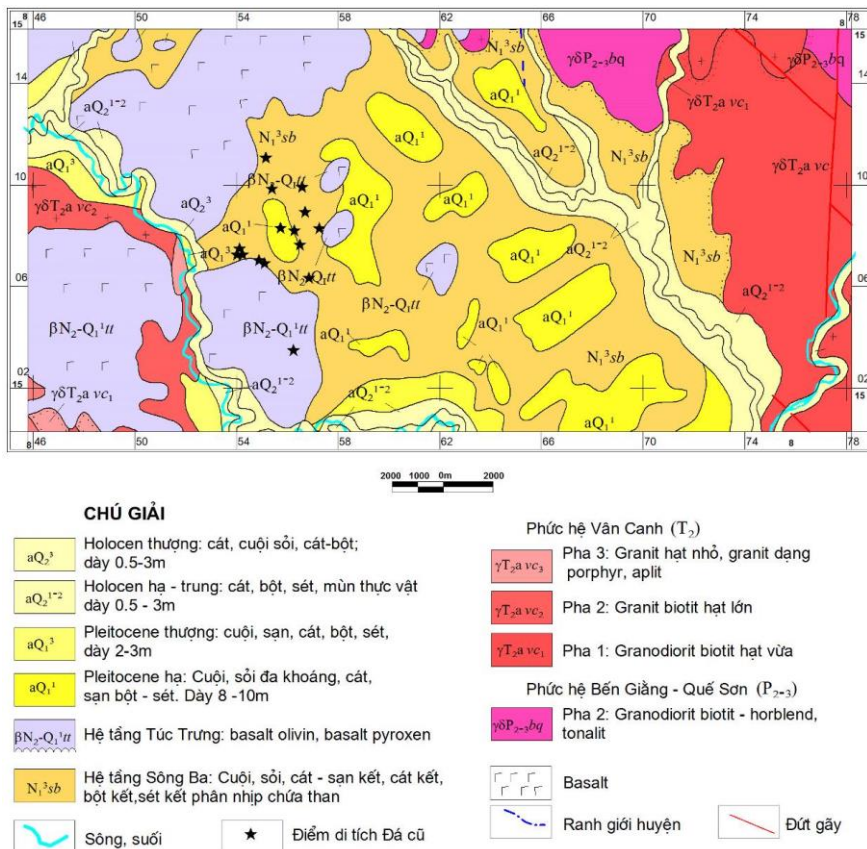
3.2.3. Đặc điểm di tích

- **Đặc điểm phân bố:** Di tích phân bố trên các địa hình bậc 2, bậc 3, bậc 4 và bậc 5 của sườn đông núi Chư A Thai (Hình 18) và trên các gò đồi thấp thuộc các thềm sông cổ bậc 1, bậc 2 và bậc 3 của thung lũng Sông Ba trước kia (Hình 19). Mối liên quan giữa các bậc địa hình sườn đông núi Chư A Thai (Hình 18) với các độ cao thềm sông/bãi bồi cổ được thể hiện ở (Bảng 2).

Di tích trên các gò thấp: phần phía bắc và đông bắc xã Chư A Thai có nhiều bãi cuội diện tích từ vài trăm mét vuông tới hàng ngàn mét vuông trên các gò đồi thấp lúp súp với độ cao tương đối 3 - 10m. Các bãi cuội này là trầm tích Pleistocene sớm phân muện (1,50 - 0,78 triệu năm), nguồn gốc aluvi [3], thành phần đa khoáng: thạch anh, quazit, cát kết dạng quazit, đá sừng, đá silic, opal-chalcedon, gỗ hóa thạch (silic hóa), basalt (ít); kích thước cuội phổ biến

từ vài cm đến 10cm (Hình 21). Kết quả tìm kiếm đã xác lập được 14 điểm di tích trên các bãi ở đây (ký hiệu từ PT2 đến PT15 ở bảng 2). Các diện cuội này không chỉ phân bố ở phần phía bắc của Chư A Thai, mà còn xuất lộ ở nhiều nơi thuộc thung lũng Sông Ba (cổ) của tỉnh Gia Lai, đã mở ra tiềm năng to lớn cho việc tìm kiếm đánh giá loại hình di sản này.

- **Đặc điểm hiện vật.** Hiện vật thu thập bao gồm: công cụ đá, mảnh tước, phác vật, hạch đá, đá có vết ghe, hòn ghe và đá nguyên liệu. Công cụ đá tiêu biểu gồm: rìu tay, bôn tay (Hình 22); công cụ mũi nhọn tam diện (Hình 23), công cụ ghe dẽo 1-2 mặt (Hình 24); công cụ rìu ngang - rìu xiên/dọc, công cụ ghe dẽo tạo rìa cả 2 mặt ở một đầu, công cụ hạch đa hướng, công cụ mảnh tước (Hình 25), công cụ hòn ghe,... Chất liệu là đá cuội tự nhiên tại chỗ, gồm: thạch anh, quazit, đá silic, cát kết dạng quazit, opal-chalcedon, gỗ hóa thạch (silic hóa), basalt (ít),...



Hình 19. Sơ đồ địa chất [3] và vị trí các điểm di tích Đá cũ ở huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Bảng 2. Các điểm di tích và đặc điểm địa hình chứa di tích ở Phú Thiện

STT	Tên điểm khảo sát	Ký hiệu	Độ cao tuyệt đối (m)	Độ cao tương đối (m)
1	Phú Thiện 9	PT9	192	Thềm sông cổ bậc 1 (chứa di vật): 10 - 12m (Tương ứng địa hình bậc 6 ở Phú Thiện)
2	Plei Tơ	PT10	192	
3	Plei Hek 1	PT11	204	
4	Thôn Kinh Pênh	PT3	206	
5	Plei Klung 2	PT5	212	Thềm sông cổ bậc 2 (chứa di vật): 15 - 28m (Tương ứng địa hình bậc 5 ở Phú Thiện)
6	Plei Klung 4	PT6	212	
7	Plei Klung 5	PT7	216	
8	Phú Thiện 15	PT15	216	
9	Phú Thiện 14	PT14	217	
10	Fa Dui 1	PT8	218	
11	Plei Klung 1	PT4	223	Thềm sông cổ bậc 3 (chứa di vật): 35-50m (tương ứng địa hình bậc 4 ở Phú Thiện)
12	Phú Thiện 12	PT12	227	
13	Phú Thiện 13	PT13	234	
14	Chân núi Chư A Thai	PT1	252	
15	Đồi Đôn 2	PT2	356	



Hình 20. Gò đồi cuội sạn chứa nhiều hiện vật ở thôn Plei Klung 2.



Hình 21. Một số hiện vật ở gò đồi thôn Plei Klung 2.



Hình 22. Bôn tay.



Hình 23. Công cụ mũi nhọn.



Hình 24. Công cụ ghe hai mặt.



Hình 25. Công cụ mảnh tước.



Hình 26. Hội thảo khoa học ngày 22/8 tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.

Nguồn: La Thế Phúc chụp năm 2019.

- *Phương thức chế tác.* Công cụ được ghè đều thô sơ từ các hòn cuội: phần đốc còn vỏ và độ tròn cạnh của hòn cuội, phần mũi/lưỡi được ghè đều tạo lưỡi rìu/mũi nhọn (Hình 22, 23, 24); có sự tương đồng với công cụ ở An Khê, hội tụ đặc trưng của tổ hợp kỹ thuật: Chopper-chooping tool/Picks/ Biface - Handaxes [4].

- *Quy mô của di tích.* Kết quả khảo sát bước đầu xác lập di tích phân bố trong diện tích >100 km², chiều dày tầng sản phẩm chứa di vật phổ biến <1m (được quan sát trực tiếp trên vách/taluy các gò đồi chứa di vật).

- *Loại hình di tích:* Sự hiện diện của các công cụ đá, mảnh tước, phác vật, hạch đá, đá có vết ghè, hòn ghè,... với mật độ khá cao đã minh chứng cho các di tích ở đây thuộc loại hình di chỉ cư trú, chế tác công cụ tại chỗ (công xưởng).

- *Niên đại di tích:* sơ bộ đánh giá thuộc thời đại Đá cũ (?) dựa trên cơ sở kỹ thuật chế tác, loại hình hiện vật và so sánh các công cụ đá Phú Thiện có nhiều nét tương đồng với công cụ Đá cũ An Khê và trên thế giới.

3.2.4. Một số nhận xét ban đầu về di tích

Đề tài TN17/T06 đã tổ chức Hội thảo (ngày 22/8/2019 tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam) với sự tham gia đông đảo các nhà khoa học, trong đó có các nhà nghiên cứu khảo cổ học hàng đầu của Việt Nam về thời đại Đá cũ (Hình 26). Hội thảo đã diễn ra rất sôi nổi và đều thống nhất ý kiến đánh giá phát hiện mới này như sau:

- Hiện vật khảo cổ được phát hiện tại Phú Thiện có số lượng lớn, phong phú và đa dạng về loại hình; phân bố trên diện rộng đã phản ánh tính thống nhất trong kỹ thuật, loại hình hiện vật, chất liệu và có tiềm năng lớn trong nghiên cứu thời đại Đá cũ ở thung lũng cổ Sông Ba.

- Di tích và hiện vật thể hiện tính độc đáo, hiếm có không chỉ trong phạm vi tỉnh Gia Lai hay Việt Nam mà rộng ra trên toàn thế giới.

- Di tích có giá trị đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu lịch sử dân tộc, tiến hóa nhân loại và trong nhận thức vị trí tỉnh Gia Lai nói riêng, vùng Tây Nguyên nói chung trong dòng chảy lịch sử dân tộc; có khả năng bổ trợ và nâng tầm các di tích khảo cổ học thời đại Đá cũ trên địa bàn tỉnh

Gia Lai như các di tích An Khê nhằm tăng tính xác thực và khoa học.

- Di tích có giá trị nổi bật phục vụ hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục chính trị đảm bảo ổn định an ninh quốc phòng tỉnh Gia Lai – đây là địa bàn có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng của nước ta.

- Các giá trị khoa học của các di tích tiền sử Phú Thiện có khả năng tích hợp cùng các giá trị di sản thiên nhiên và văn hóa khác ở tại địa phương, các ngành kinh tế như nông nghiệp, thương mại, ... để phát triển du lịch văn hóa sinh thái tại Phú Thiện với điểm nhấn là các di tích khảo cổ học thời đại Đá cũ.

4. Kết luận và kiến nghị

- Di tích Hố Tre và cụm di tích Phú Thiện là những phát hiện mới về di sản văn hóa ở Tây Nguyên. Những di sản văn hóa này hình thành và phản ánh một giai đoạn lịch sử của con người gắn liền với di sản địa chất núi lửa; thể hiện rõ nét sự kết nối giữa yếu tố thiên nhiên – con người. Đây là loại di sản kép/di sản hỗn hợp rất có các giá trị khoa học và thực tiễn. Về khoa học: di sản góp phần quan trọng trong nghiên cứu lịch sử tự nhiên, lịch sử dân tộc; tiến hóa tự nhiên, nhân loại và trong nhận thức vị trí tỉnh Gia Lai nói riêng, Tây Nguyên nói chung trong dòng chảy lịch sử của dân tộc và khu vực. Về thực tiễn: di sản là cơ sở để xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ, khai thác phát huy các giá trị, phát triển du lịch, góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội.

- Trước những hoạt động của các cư dân hiện đại, cảnh quan địa hình địa mạo và môi sinh khu vực di tích Hố Tre (Đắk Lắk), Phú Thiện (Gia Lai) đã và đang bị đe dọa xâm phạm nghiêm trọng, rất dễ bị phá hủy. Các phát hiện mới nêu trên chỉ là sơ bộ ban đầu, đã được báo cáo tới các chính quyền địa phương liên quan để bảo vệ bảo tồn khẩn cấp. Cần sớm triển khai các hoạt động điều tra xác lập và pháp lý hóa di tích, tiến tới khai quật, nghiên cứu chi tiết, phục vụ xây dựng bảo tàng tại chỗ để bảo tồn di tích và khai thác du lịch, phát triển kinh tế.

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ

bảo tồn tổng thể các giá trị di sản thiên nhiên - di sản văn hóa theo nguyên lý “Bảo tồn để khai thác và khai thác để bảo tồn di sản”, phục vụ phát triển bền vững.

Lời cảm ơn

Bài viết này là kết quả khảo sát thực địa của đề tài cấp cơ sở "Điều tra tìm kiếm di chỉ khảo cổ khu vực Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai" và đề tài KHCN cấp Nhà nước TN17/T06. Tác giả xin trân trọng cảm ơn Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016-2020 và Ban Lãnh đạo Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho đề tài hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyen Duc Thang, Geological and mineral resources map of Vietnam at scale 1:200,000, Ben Khe - Dong Nai series. Center for Information and Archives of Geology, Department of Geology and Minerals of Vietnam, Hanoi, 1999 (in Vietnamese).
- [2] La The Phuc, Nguyen Khac Su, Vu Tien Duc, Luong Thi Tuat, Phan Thanh Toan, Nguyen Thanh Tung, Nguyen Trung Minh, “New discovery of prehistoric archaeological remnants in volcanic caves in Krongno, Dak Nong Province”, Vietnam Journal of Earth Sciences 39(2) (2017) 97-108, Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi. <https://doi.org/10.15625/0866-7187/39/2/9186>.
- [3] Tran Tinh, Geological and mineral resources map of Vietnam at scale 1:200,000, An Khe sheet, Center for Information and Archives of Geology, Department of Geology and Minerals of Vietnam. Hanoi, 1994 (in Vietnamese)
- [4] An Khe Early Paleolithic Industry with the primitive historic period of Vietnam. Journal of Archaeology 2 (2017) 3-18 (in Vietnamese).